

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 55/BM/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy
Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355 Fax: 0243.7191466

Email: banhkeobaominh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0101966872

Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 : 2005.

Số đăng ký: HACCP/R84/0005.

Ngày đăng ký ISO 22000 ban đầu: 15/01/2013.

Ngày cấp phép: 15/01/2019. Ngày hết hạn: 15/01/2022

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH TRONG VỊ GẮC

2. Thành phần: Tinh bột sắn, nước sạch, đường kính, đậu xanh, dầu thực vật, dừa sợi, dầu gấc (0.8%), chất nhũ hóa (1414), hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất tạo màu tổng hợp (110, 124), chất bảo quản (202, 211).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 ngày kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng bao bì CPP, hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 10 g/gói, 15 g/gói, 20 g/gói, 25 g/gói, 30 g/gói, 35 g/gói, 40 g/gói, 45 g/gói, 48 g/gói, 50 g/gói, 55 g/gói, 60 g/gói, 65 g/gói, 70 g/gói, 75 g/gói, 80 g/gói, 85 g/gói, 90 g/gói, 100 g/gói, 110 g/gói, 115 g/gói, 120 g/gói, 130 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/gói, 170 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 200 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 300 g/gói, 310 g/gói, 320 g/gói, 325 g/gói, 340 g/gói, 350 g/gói, 360 g/gói, 390 g/gói, 400 g/gói, 410 g/gói, 420 g/gói, 440 g/gói, 450 g/gói, 480 g/gói, 500 g/gói, 600 g/gói, 650 g/gói, 700 g/gói, 720 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 1 kg/gói.
Hoặc đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

5. Sản xuất tại:

* **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH (A)**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

* **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH – CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)**

Địa chỉ: 504/58 và 504/58A1 Kinh Dương Vương, khu phố 1, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú: Kí hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.



III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

Sản phẩm của: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy
Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

ISO 22000 : 2005

Website : www.banhbaominh.com

BÁNH TRONG VỊ GẮC

Thành phần: Tinh bột sắn, nước sạch, đường kính, đậu xanh, dầu thực vật, dứa sợi, dầu gấc (0.8%), chất nhũ hóa (1414), hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất tạo màu tổng hợp (110, 124), chất bảo quản (202, 211).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- H/l glucit ≥ 30 %
- H/l đường tổng số ≥ 10 %

Thông tin, cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- * Sản phẩm chín ăn liền.
- * Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Sản xuất theo TCCS 55:2020/BM. Bản tự công bố số: 55/BM/2020

Ghi chú: Kí hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.

Xuất xứ: Việt Nam.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

- * Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo :
 - Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
 - Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
 - Nghị định 43/2017/NĐ-CP nghị định về nhãn hàng hóa.
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm: QCVN 8-1:2011/BYT.
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm: QCVN 8-2:2011/BYT.

* Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
--- oOo ---

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
QUYẾT ĐỊNH
(V/v: Ban hành tiêu chuẩn cơ sở)

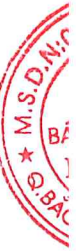
- Điều 1: Ban hành tiêu chuẩn cơ sở số: **TCCS 55:2020/BM**
Áp dụng cho sản phẩm: **BÁNH TRONG VỊ GẮC**
- Điều 2: Các ông (bà) trưởng phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.
- Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:
- Như điều 2
- Lưu HC

Hà Nội, Ngày 05 tháng 06 năm 2020
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ CHO SẢN PHẨM
BÁNH TRONG VỊ GẮC
Số TCCS 55:2020/BM

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy
Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355 Fax: 0243.7191466

CÔNG BỐ

Sản phẩm: **BÁNH TRONG VỊ GẮC**

Xuất xứ: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MÚT KẸO BẢO MINH**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy
Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243.7192355 Fax: 0243.7191466

Phù hợp với quy định an toàn thực phẩm, quyết định số: 46/2007/QĐ-BYT về giới hạn ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm; QCVN 8-1:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; theo QĐ 3742/2001/QĐ-BYT quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm; theo thông tư số 24/2019/TT-BYT thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SẢN PHẨM

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI	Tên nhóm sản phẩm	Số TCCS 55:2020/BM
CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH	BÁNH TRONG VỊ GẮC	Có hiệu lực từ ngày ký

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- *Trạng thái:* Vỏ bánh mềm dẻo, dai.
- *Màu sắc:* Màu sắc đặc trưng của sản phẩm.
- *Mùi vị:* Mùi thơm đặc trưng, vị ngọt.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	H/l axit	độ	≤ 3
2	H/l đường tổng số	%	≥ 10
3	H/l glucit	%	≥ 30
4	H/l protein	%	≥ 0.6
5	H/l lipit	%	≥ 0.3
6	H/l ẩm	%	≤ 65

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10
7	Ts. Bào tử nấm mốc, men	CFU/g	10^2

1.4. Hàm lượng độc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

1.5. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

1.6. Chất nhũ hóa (1414), hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất tạo màu tổng hợp (110, 124), chất bảo quản (202, 211): Theo QĐ 3742/2001/QĐ-BYT quy định danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm; thông tư số 24/2019/TT-BYT thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

2. Thành phần: Tinh bột sắn, nước sạch, đường kính, đậu xanh, dầu thực vật, dừa sợi, dầu gấc (0.8%), chất nhũ hóa (1414), hương liệu tổng hợp (hương bưởi), chất tạo màu tổng hợp (110, 124), chất bảo quản (202, 211).

3. Thời hạn sử dụng:

- 08 ngày kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Sản phẩm chín ăn liền.
- Bảo quản ở nhiệt độ thường, để nơi sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng bao bì CPP, hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh: 10 g/gói, 15 g/gói, 20 g/gói, 25 g/gói, 30 g/gói, 35 g/gói, 40 g/gói, 45 g/gói, 48 g/gói, 50 g/gói, 55 g/gói, 60 g/gói, 65 g/gói, 70 g/gói, 75 g/gói, 80 g/gói, 85 g/gói, 90 g/gói, 100 g/gói, 110 g/gói, 115 g/gói, 120 g/gói, 130 g/gói, 140 g/gói, 150 g/gói, 160 g/gói, 170 g/gói, 180 g/gói, 190 g/gói, 200 g/gói, 210 g/gói, 220 g/gói, 240 g/gói, 250 g/gói, 270 g/gói, 280 g/gói, 300 g/gói, 310 g/gói, 320 g/gói, 325 g/gói, 340 g/gói, 350 g/gói, 360 g/gói, 390 g/gói, 400 g/gói, 410 g/gói, 420 g/gói, 440 g/gói, 450 g/gói, 480 g/gói, 500 g/gói, 600 g/gói, 650 g/gói, 700 g/gói, 720 g/gói, 800 g/gói, 850 g/gói, 1 kg/gói. Hoặc đóng gói theo yêu cầu của khách hàng.

6. Quy trình sản xuất: Có phụ lục đính kèm.

7. Nội dung ghi nhãn: Theo nghị định 43/2017/NĐ-CP nghị định về nhãn hàng hóa. Có phụ lục đính kèm.

8. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

* Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH**

Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243.719235

* Sản xuất tại:

+ **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH (A)**

Địa chỉ: Lô B2-3-3a, Khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), P. Thụy Phương, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

+ **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH – CHI NHÁNH PHÍA NAM (B)**

Địa chỉ: 504/58 và 504/58A1 Kinh Dương Vương, khu phố 1, P. An Lạc A, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ghi chú: Kí hiệu nơi sản xuất xem cạnh ngày sản xuất.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/ Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/ Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/ Name of Sample : Bánh trong vị gấc
4. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín, NSX: 25/04/2024, HSD: 02/05/2024
5. Ngày nhận mẫu/ Date sample received : 26/04/2024
6. Thời gian lưu mẫu/ Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/ Date of test : 26/04/2024-09/05/2024
8. Ngày trả kết quả/ Date of issue : 09/05/2024

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
1	Trạng thái cảm quan	-	Bánh có vỏ ngoài màu đỏ, mềm, mịn. Nhân bánh được làm từ đậu xanh nhuyễn. Mùi, vị đặc trưng cho sản phẩm; không có mùi, vị lạ. Không có tạp chất lạ.	VNT.H.03.V.42	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
2	Trị số axit	mgKOH/g	< LOQ = 0,15	Ref.TCVN 6127:2010	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
3	Đường tổng số	%	21,89	TCVN 4074:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
4	Protein	%	1,22	Ref. TCVN 8125:2015	TCCS/ GMP ⁽¹⁾

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240426.09/02.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
5	Carbohydrate	%	56,39	VNT.H.03.Fo.187	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
6	Lipit*	%	2,03	TCVN 4072:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
7	Hàm lượng ẩm	%	40,12	TCVN 4069:2009	TCCS/ GMP ⁽¹⁾
8	Chất bảo quản: Kali sorbate (E202)*	mg/kg	575,81	TCVN 8122:2009	1000 ⁽²⁾
9	Chất tạo màu: Ponceau 4R (E124)*	mg/kg	< LOQ = 10	VNT.H.03.Fo.193 (2021)	50 ⁽²⁾
10	Chất tạo màu: Sunset yellow (E110)*	mg/kg	< LOQ = 10	VNT.H.03.Fo.193 (2021)	50 ⁽²⁾
11	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	4 ⁽³⁾
12	Aflatoxin B1*	µg/kg	KPH (LOD = 1,2)	VNT.H.03.Fo.78 (2021) (Ref. AOAC 994.08)	2 ⁽³⁾
13	Ochratoxin A (OTA)*	µg/kg	KPH (LOD = 0,5)	VNT.H.03.Fo.79 (2021)	3 ⁽³⁾
14	Deoxynivalenol (DON)*	µg/kg	KPH (LOD = 30)	VNT.H.03.Fo.180 (2021)	500 ⁽³⁾
15	Zearalenone (ZEN)*	µg/kg	KPH (LOD = 3)	VNT.H.03.Fo.181 (2021)	50 ⁽³⁾
16	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽⁴⁾
17	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009	0,2 ⁽⁴⁾
18	Arsen (As)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,05)	VNT.H.03.Fo.98 (2022)	1 ⁽⁵⁾
19	Dư lượng hóa chất BVTV: Endosulfan	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	VNT.H.03.Fo.151 (Ref. AOAC 2007.01)	-
20	Tổng số vi sinh vật hiếu khí*	CFU/g	4,0 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015	10 ⁴⁽⁵⁾
21	Tổng số nấm men - nấm mốc*	CFU/g	7,0 x 10 ¹	TCVN 8275-1:2010	10 ²⁽⁵⁾
22	Coliforms*	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 6848:2007	10 ⁽⁵⁾
23	<i>Escherichia coli</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008	3 ⁽⁵⁾

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240426.09/02.1

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method	Giới hạn cho phép
24	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4830-1:2005	10 ⁽⁵⁾
25	<i>Clostridium perfringens</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4991:2005	10 ⁽⁵⁾
26	<i>Bacillus cereus</i> *	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 4992:2005	10 ⁽⁵⁾

Ghi chú/ Note:

- KPH: Không phát hiện.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.
- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật
- (1): Tiêu chuẩn cơ sở công ty Công ty Bánh mứt kẹo Bảo Minh
- (2): Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về việc quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- (3): QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- (4): QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- (5): Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm
- (-): Không quy định



PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR



THỊ TRỊNH CÔNG SƠN

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vincerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. Tên Khách hàng/
Customer's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH MỨT KẸO BẢO MINH
2. Địa chỉ/
Address : Lô B2-3-3A Khu Công Nghiệp Nam Thăng Long (Khu B), Phường Thụy Phương, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
3. Tên mẫu thử/
Name of Sample : Bánh trong vị gốc
4. Mô tả mẫu/
Sample Description : Mẫu đựng trong túi kín, NSX: 25/04/2024, HSD: 02/05/2024
5. Ngày nhận mẫu/
Date sample received : 26/04/2024
6. Thời gian lưu mẫu/
Sample retention time : Lưu mẫu 15 ngày sau thử nghiệm
7. Ngày thử nghiệm/
Date of test : 26/04/2024-09/05/2024
8. Ngày trả kết quả/
Date of issue : 09/05/2024

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
1	Năng lượng (Energy)	Kcal/100g	248,71	Calculate (included testing fat, carbohydrate, protein, food composition)
2	Chất đạm (Protein)	%	1,22	Ref. TCVN 8125:2015
3	Carbohydrate	%	56,39	VNT.H.03.Fo.187
4	Đường tổng số (Total Sugars)	%	21,89	TCVN 4074:2009
5	Chất béo (Fat)*	%	2,03	TCVN 4072:2009
6	Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	%	0,49	AOAC 996.06

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
2. Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTST/ This report will not be reproduced or republished without VNTST approval.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*). Items are tested by subcontractors (**).
5. Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận VIMCERTS đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



Mã số/ Code: DV240426.09/02.2

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
7	Natri (Na)	mg/100g	23,83	TCVN 10916:2015
8	Bảng thành phần dinh dưỡng/ Nutrition facts	-	Xem bảng đính kèm	-

Ghi chú/ Note:

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo. Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành / Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is valid conference only. The customer should update it and comply with regulation currently.

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
 QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
 DIRECTOR



ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNT-EST/ This report will not be reproduced or republished without VNT-EST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



VILAS 1296
 ISO/IEC 17025:2017

VIMCERTS 321

Mã số/ Code: DV240426.09/02.2

BẢNG THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG/ NUTRITION FACTS

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)*
Năng lượng (Energy)	248.7	Kcal	12%
Chất đạm (Protein)	1.2	g	2%
<i>Carbohydrate</i>	56.3	g	17%
Đường tổng số (Total Sugars)	21.8	g	-
Chất béo (Fat)	2.0	g	4%
Chất béo bão hoà (Saturated Fat)	0.4	g	2%
Natri (Sodium)	23.8	mg	1%

* % giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên chế độ ăn 2.000kcal/người/ngày.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.
- Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be reproduced or republished without VNTEST approval.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).
- Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rural development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not accept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 20.05.18.973

1. Tên mẫu: Bánh trong vị gấc
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh
Name/Address of customer
Lô B2 - 3 - 3A, khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), phường Thụy
Phong, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
3. Mô tả mẫu/Sample description: 12 chiếc x 75g
4. Ngày nhận mẫu: 18/05/2020
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi
The personnel performing/sending sample(s)
By customer
6. Ngày thực hiện kiểm nghiệm: 18/05/2020 - 25/05/2020
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm/Test results

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit 46/2007/QĐ-BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * Total aerobic microorganisms	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	3,5x10 ²	10 ⁴
2	Coliforms *	TCVN 6848:2007	CFU/g	<10	10
3	<i>Escherichia coli</i> *	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	<1	3
4	<i>Staphylococcus aureus</i> *	TCVN 4830-1:2005	CFU/g	<10	10
5	<i>Clostridium perfringens</i> *	TCVN 4991:2005	CFU/g	<10	10
6	<i>Bacillus cereus</i> giả định *	TCVN 4992:2005	CFU/g	<10	10
7	Tổng số nấm men và nấm mốc * Total yeasts and moulds	TCVN 8275-1:2010	CFU/g	<10 ²	10 ²

Nhận xét: Mẫu trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về phương diện vi sinh vật đối với ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc dùng trực tiếp, không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng (theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT).
This sample complies with the standard on ready-to-eat cereal and cereal products in term of microbiology (according to 46/2007/QĐ-BYT)

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020/Hanoi, May 25, 2020

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

ThS. Nguyễn Thành Đông

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THẨM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*): là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- KPH: Không phát hiện/ Not detected
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thẩm đo chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL

Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.
Tel: 0243.773.0178 Email: khoaxetnghiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 20.05.18.973

1. Tên mẫu/Name of sample : **Bánh trong vị gấc**
 2. Tên/địa chỉ khách hàng/Name/Address of customer : Công ty cổ phần bánh mứt kẹo Bảo Minh
 Lô B2 - 3 - 3A, khu công nghiệp Nam Thăng Long (khu B), phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
 3. Mô tả mẫu/Sample description : /
 4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample : 18/05/2020
 5. Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/ sending sample(s) : Khách hàng tự gửi mẫu/By customer
 6. Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities : 18/05/2020 - 22/05/2020
 7. Kết quả thử nghiệm/Test result :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Trạng thái cảm quan Sensory properties	KNVSATTP/91	/	Sản phẩm màu đỏ, mềm, dẻo, mùi thơm, vị ngọt.	TCCS/ GMP
2	Axit/ Acidity	TCVN 4073:2009	Độ/Degree	0,74	TCCS/ GMP
3	Đường tổng số/ Total sugar	TCVN 4594:1988	%	23,8	TCCS/ GMP
4	Protein/ Protein	TCVN 8125:2015	%	1,35	TCCS/ GMP
5	Lipit/ Lipid	TCVN 4072:2009	%	0,73	TCCS/ GMP
6	Gluxit/ Carbohydrate	TCVN 4594:1988	%	54,1	TCCS/ GMP
7	Âm/ Humidity	TCVN 4069:2009	%	41,1	TCCS/ GMP
8	Phẩm màu/ Food colours	TCVN 6470:2010	Định danh Identification	E124	24/2019/TT-BYT theo quy định
9	Nhóm Sorbat/ Sorbate group (Acid sorbic, Natri sorbat, Kali sorbat, Calci sorbat)	HPLC/UV	mg/kg	Không phát hiện (< 10,0)	
10	Aflatoxin tổng số Total Aflatoxin	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện (< 1,0)	
11	Aflatoxin B ₁ / Aflatoxin B ₁	TCVN 7596:2007	µg/kg	Không phát hiện (< 0,5)	
12	Dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật/ Pesticide residue: Endosulfan	TCVN 8319:2010	mg/kg	Không phát hiện (< 0,1)	
13	Cadimi/ Cadmium (Cd)	TCVN 7929: 2008	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	
14	Chì/ Lead (Pb)	TCVN 7929: 2008	mg/kg	Không phát hiện (< 0,01)	
15	Asen/ Arsenic (As)	FDA.EAM.4.4-2010	mg/kg	Không phát hiện (< 0,025)	

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2020/ Hanoi, May 22, 2020

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM DÒ CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING



ThS. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

1. (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
 2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
 3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.
 The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
 4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
 Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
 6. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
 This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh